

Hà Nội, ngày 12 tháng 05 năm 2022

**BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI**  
**Chương trình đào tạo nghề Điện Công nghiệp**  
**Trình độ cao đẳng trung cấp**  
**Trường Cao đẳng nghề Xây dựng – Quảng Ninh**  
**Năm 2022**

**1. Bảng tổng hợp điểm đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn**

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn  | Điểm chuẩn | Đánh giá của                           | Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí |
|----|---|------------|--|------------------------------|
|    | <b>KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC</b>   |            | <i>Đạt tiêu chuẩn kiểm định CLCTĐT</i> |                              |
|    | <b>Tổng điểm</b>  | <b>100</b> | <b>90 Điểm</b>                         |                              |
|    | <b>Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>   | <b>6</b>   | <b>4 Điểm</b>                          | <b>66,7%</b>                 |
| 1  | Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.  | 2          | <i>2 Điểm</i>                          |                              |
| 2  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. | 2          | <i>2 Điểm</i>                          |                              |
| 3  | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo  | 2          | <i>0 Điểm</i>                          |                              |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn   | Điểm chuẩn | Đánh giá của   | Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí |
|----|--|------------|----------------|------------------------------|
|    | chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.   |            |                |                              |
|    | <b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>   | <b>14</b>  | <b>10 Điểm</b> | <b>71.4%</b>                 |
| 4  | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.  | 2          | 0 Điểm         |                              |
| 5  | Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.  | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 6  | Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. | 2          | 0 Điểm         |                              |
| 7  | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.  | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 8  | Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.   | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 9  | Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.   | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 10 | Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.  | 2          | 2 Điểm         |                              |
|    | <b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>  | <b>16</b>  | <b>16 Điểm</b> | <b>100%</b>                  |
| 11 | Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.   | 2          | 2 Điểm         |                              |

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>  | <b>Điểm chuẩn</b> | <b>Đánh giá của</b> | <b>Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí</b> |
|-----------|--|-------------------|---------------------|-------------------------------------|
| 12        | Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.   | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 13        | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 14        | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp. | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 15        | Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.  | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 16        | Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.  | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 17        | Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.   | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 18        | Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.  | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
|           | <b>Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình</b>   | <b>24</b>         | <b>22 Điểm</b>      | <b>91,67%</b>                       |
| 19        | Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.   | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 20        | Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.  | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 21        | Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.   | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 22        | Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.                 | 2                 | 2 Điểm              |                                     |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn  | Điểm chuẩn | Đánh giá của   | Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí |
|----|---|------------|----------------|------------------------------|
| 23 | Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.                | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 24 | Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo. | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 25 | Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.  | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 26 | Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.  | 2          | 0 Điểm         |                              |
| 27 | Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.  | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 28 | Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.   | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 29 | Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.     | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 30 | Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.   | 2          | 2 Điểm         |                              |
|    | <b>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>  | <b>16</b>  | <b>14 Điểm</b> | <b>87.5%</b>                 |
| 31 | Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.  | 2          | 2 Điểm         |                              |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn   | Điểm<br>chuẩn | Đánh giá<br>của | Tỷ lệ<br>điểm<br>đánh giá<br>tiêu chí |
|----|--|---------------|-----------------|---------------------------------------|
| 32 | Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.   | 2             | 2 Điểm          |                                       |
| 33 | Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.  | 2             | 2 Điểm          |                                       |
| 34 | Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.  | 2             | 2 Điểm          |                                       |
| 35 | Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.   | 2             | 2 Điểm          |                                       |
| 36 | Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo. | 2             | 0 Điểm          |                                       |
| 37 | Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.   | 2             | 2 Điểm          |                                       |
| 38 | Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.  | 2             | 2 Điểm          |                                       |
|    | <b>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</b>  | <b>8</b>      | <b>8 Điểm</b>   | <b>100%</b>                           |
| 39 | Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.  | 2             | 2 Điểm          |                                       |

| TT | Tiêu chí, tiêu chuẩn  | Điểm chuẩn | Đánh giá của   | Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí |
|----|---|------------|----------------|------------------------------|
| 40 | Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 41 | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.   | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 42 | Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.   | 2          | 2 Điểm         |                              |
|    | <b>Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng</b>   | <b>16</b>  | <b>16 Điểm</b> | <b>100%</b>                  |
| 43 | Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.   | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 44 | Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.  | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 45 | Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.  | 2          | 2 Điểm         |                              |
| 46 | Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.   | 2          | 2 Điểm         |                              |

| <b>TT</b> | <b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>  | <b>Điểm chuẩn</b> | <b>Đánh giá của</b> | <b>Tỷ lệ điểm đánh giá tiêu chí</b> |
|-----------|--|-------------------|---------------------|-------------------------------------|
| 47        | Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.   | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 48        | Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có). | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 49        | Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.   | 2                 | 2 Điểm              |                                     |
| 50        | Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.       | 2                 | 2 Điểm              |                                     |

## **2. Đề xuất, kiến nghị với cơ sở giáo dục nghề nghiệp**

- Nhà trường cần có kết quả nghiên cứu mức chi tối thiểu cho một người học hằng năm
- Năm học tới, Nhà trường nên chủ động xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.
- Cần có kế hoạch đầu tư xây dựng Thư viện điện tử để phục vụ tốt cho việc quản lý và nhu cầu tra cứu của BCGV, HSSV.
- Nhà trường nên bổ sung chính sách học bổng để khuyến khích HSSV.
- Cần tăng thêm số lượng doanh nghiệp được khảo sát lấy ý kiến về các nội dung liên quan tới đào tạo nghề